

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÔNG BÁO TUYỂN SINH THẠC SĨ, NĂM 2022 – ĐỢT 1

I. Chuyên ngành tuyển sinh:

- | | |
|-------------------------|---|
| - Quản trị kinh doanh | - Quản lý xây dựng |
| - Tài chính – Ngân hàng | - Kỹ thuật xây dựng |
| - Kinh tế học | - Luật kinh tế |
| - Kế toán | - Xã hội học |
| - Khoa học máy tính | - Ngôn ngữ Trung Quốc |
| - Công nghệ sinh học | - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh |

II. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hình thức đào tạo chính quy, thời gian đào tạo 2 năm
- Thời gian học:
 - Cuối tuần:
 - + Thứ 6: 13:00 → 20:00
 - + Thứ 7: 08:00 → 17:00 hoặc 13:00 → 20:00
 - Trong tuần:
 - + Các buổi trong tuần: 17:30 → 20:00
- Ngày thứ 6, ngày thứ 7 hàng tuần đối với các lớp thuộc các chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Kinh tế học, Kế toán, Khoa học máy tính, Công nghệ sinh học, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật xây dựng, Luật kinh tế, Xã hội học, Ngôn ngữ Trung Quốc, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh (các môn học với giảng viên nước ngoài, khoa sẽ bố trí học tập trung vào các ngày trong tuần)
- Tối thứ sáu, chiều thứ bảy, tối thứ bảy, đối với lớp chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng
- Các buổi trong tuần đối với lớp chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng (chỉ mở lớp khi có trên 20 học viên đăng ký học).
- Địa điểm học: Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, 97 Võ Văn Tần, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

III. Đối tượng tuyển sinh:

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp (Phụ lục 1); đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Ngành phù hợp được nêu tại khoản 1 mục này và tại các mục khác trong thông báo này là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ; những trường hợp phải hoàn thành yêu cầu học bổ sung trước khi dự tuyển, môn học bổ sung (Phụ lục 1). Đối với các ngành quản trị và quản lý, đào tạo theo chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng, ngành phù hợp ở trình độ đại học bao gồm những ngành liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị, quản lý.

3. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b khoản 1 mục này khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (phụ lục 2) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
- d) Đạt kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ bậc 3 do Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh tổ chức.

4. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

5. Đối với chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài, ứng viên phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ, cụ thể khi có một trong những văn bằng, chứng chỉ sau đây:

- a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy;
- b) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ của ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (Phụ lục 2).

IV. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh tuyển sinh cao học theo hình thức xét tuyển

Hồ sơ xét tuyển bao gồm:

- Đơn đăng ký dự tuyển (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch (dán hình, đóng dấu giáp lai lên hình và xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương), (theo mẫu)
- Bảng điểm đại học (1 bản sao có chứng thực hoặc nộp bản photo xuất trình bản chính để đối chiếu)
- Bảng tốt nghiệp đại học (2 bản sao có chứng thực hoặc nộp bản photo xuất trình bản chính để đối chiếu)
- CMND/ CCCD (1 bản sao có chứng thực hoặc nộp bản photo xuất trình bản chính để đối chiếu)
- Giấy chứng nhận sức khỏe
- Bảng cấp/ Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có)
- Chứng chỉ/ Giấy xác nhận Bổ túc kiến thức (nếu có)
- Xác nhận kinh nghiệm làm việc (nếu có)
- Xác nhận kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (nếu có)
- Xác nhận khen thưởng thành tích học tập/nghiên cứu (nếu có)
- 4 ảnh 3x4cm (Chụp trong vòng 1 năm tính đến ngày nộp hồ sơ, ghi họ tên và ngày tháng năm sinh sau ảnh)

V. Thời gian:

* Phát nhận hồ sơ đăng ký dự thi từ ngày ra thông báo đến hết ngày **27/05/2022**

* Lệ phí xét tuyển và thi năng lực Ngoại ngữ: 420.000 đồng

* Thời gian xét tuyển hồ sơ: **30/05/2022 – 01/06/2022**

* Ngày thi đánh giá năng lực Ngoại ngữ: **ngày 19/06/2022**

Ghi chú: Giấy báo dự thi năng lực Ngoại ngữ sẽ được gửi đến thí sinh từ ngày 02/06/2022 đến 04/06/2022

VI. Học phí và học bổng:

- Học phí: tham khảo trên website: <http://sdh.ou.edu.vn>

- Học bổng:

- Cơ hội học bổng 100% học phí năm học thứ nhất cho học viên có điểm thi đầu vào cao nhất của mỗi chuyên ngành
- Học bổng trị giá 5.000.000đ/ 1 học viên, cho cựu sinh viên Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.

VII. Kết quả tuyển sinh:

Nhà trường thông báo danh sách kết quả tuyển sinh (dự kiến) ngày 27/06/2022 tại website Khoa Đào tạo Sau đại học: <http://sdh.ou.edu.vn> và tại văn phòng Khoa Đào tạo sau đại học (Phòng 110), Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh;

Những học viên có kết quả trúng tuyển nhận giấy báo trực tiếp tại văn phòng Khoa Đào tạo Sau đại học (Phòng 110), Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh.

VIII. Thời gian học (dự kiến): ngày 09/07/2022

IX. Địa chỉ liên hệ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH

KHOA ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Phòng 110, 97 Võ Văn Tần, phường Võ Thị Sáu, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39 300 946 hoặc (028) 39 300 947

Website: <http://sdh.ou.edu.vn>

FB: Open University – Postgraduate | Email: postgraduate@ou.edu.vn

PHỤ LỤC 1

Danh mục ngành phù hợp, quy định trường hợp học bổ sung

TT	Ngành	Ngành phù hợp	Quy định những trường hợp học bổ sung (Ngành gần, ngành khác)
1	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	Có bằng tốt nghiệp đại học trong nước thuộc ngành Sư phạm tiếng Anh;	Có bằng tốt nghiệp đại học trong nước thuộc ngành Ngôn ngữ Anh; Hoặc có bằng tốt nghiệp đại học thuộc các ngành dưới đây do đại học nước ngoài cấp mà ngôn ngữ học tập là tiếng Anh: + English/ American/ Australian studies + Applied linguistics + British/ English/ American literature + Education (liên quan đến giáo dục ngôn ngữ) + Linguistics Đối tượng dự tuyển thuộc ngành gần phải học bổ sung kiến thức môn “Phương pháp giảng dạy tiếng Anh” 3 tín chỉ. Ứng viên sẽ được miễn học bổ sung nếu đã học môn này trong chương trình đào tạo cử nhân.
2	Luật kinh tế	- Có bằng cử nhân các ngành khoa học pháp lý: Luật, Luật kinh tế, Luật thương mại, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật hiến pháp và Luật hành chính, Luật quốc tế. - Nếu ứng viên có bằng cử nhân do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.	
3	Công nghệ sinh học	- Có văn bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Công nghệ sinh học và Sinh học gồm: Công nghệ sinh học, Sinh học, Kỹ thuật sinh học, Sinh học ứng dụng.	Có bằng tốt nghiệp đại học: - Nhóm ngành y học, dược học; - Nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; - Nhóm ngành thú y; - Nhóm ngành chế biến lương thực phẩm và đồ uống; - Nhóm ngành khoa học môi trường; - Ngành hóa học. Các ứng viên thuộc các ngành gần* phải học bổ sung 3 môn (mỗi môn 3 tín chỉ): (1) Sinh học Phân tử; (2) Tế bào học; (3) Vi sinh học đại cương; * Ứng viên ngành gần sẽ được xét miễn giảm từng môn học bổ sung này nếu cung cấp bảng điểm của chương trình đào tạo bậc Đại học nhằm chứng minh đã được học các môn học này
4	Ngôn ngữ Trung Quốc	Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Ngữ văn Trung Quốc, Văn tự học, Lý luận phương pháp giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc.	Có bằng tốt nghiệp đại học: - Ngành Đông phương học - chuyên ngành Trung Quốc học - Hán nôm - Văn hóa Trung Quốc - Lịch sử Trung Quốc Đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần dự tuyển, phải học bổ sung kiến thức 03 học phần (9 tín chỉ): Ngữ pháp học, Từ vựng học, Đất nước học Trung Quốc. Thí sinh sẽ được miễn học môn bổ sung kiến thức nếu đã học môn học đó trong chương trình đào tạo cử nhân.

5	Tài chính - Ngân hàng	Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Tài chính-Ngân hàng hoặc Bảo hiểm	Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Kinh doanh, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị, Quản lý, Kinh tế học hoặc Quản lý công nghiệp. Đối tượng dự tuyển thuộc nhóm ngành gần phải học bổ sung kiến thức 02 học phần: Tiền tệ-Ngân hàng và Nguyên lý kế toán.
6	Quản trị kinh doanh	Có bằng tốt nghiệp đại học nhóm ngành Kinh doanh.	Ngành gần: Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Tài chính-Ngân hàng- Bảo hiểm, Kế toán-Kiểm toán, và Quản trị-Quản lý, và Kinh tế học. Ngành khác: Có bằng tốt nghiệp đại học không thuộc các ngành trên. Đối tượng dự tuyển thuộc nhóm ngành gần phải học bổ sung kiến thức 3 học phần: Quản trị học (hoặc Quản trị doanh nghiệp), Marketing căn bản, Quản trị chiến lược. Đối tượng dự tuyển thuộc nhóm ngành khác phải học bổ sung 8 học phần: Quản trị học (hoặc Quản trị doanh nghiệp), Marketing căn bản, Quản trị chiến lược, Nguyên lý kế toán, Quản trị tài chính căn bản, Tiền tệ-ngân hàng, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô. Thí sinh sẽ được miễn học bổ sung nếu đã học phần này trong chương trình đào tạo cử nhân.
7	Khoa Học Máy Tính	Có bằng đại học thuộc ngành: Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Kỹ nghệ phần mềm, Kỹ thuật máy tính, Truyền thông và Mạng máy tính, Tin học ứng dụng, Sư phạm Tin học, Toán Tin ứng dụng, Tin học ứng dụng, Hệ thống thông tin quản lý	Có bằng đại học thuộc ngành: Toán và thống kê; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Sư phạm Toán học; Tin học công nghiệp; Điều khiển tự động Riêng người có bằng tốt nghiệp Đại học ngành gần với ngành khoa học máy tính phải học 04 học phần bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Cơ sở dữ liệu: 3 tín chỉ Cấu trúc dữ liệu và giải thuật: 3 tín chỉ Lập trình hướng đối tượng: 3 tín chỉ Phân tích và thiết kế hệ thống: 3 tín chỉ
8	Kỹ thuật Xây dựng	Đã tốt nghiệp đại học nhóm ngành: Xây dựng (75802xx), Kiến trúc và quy hoạch (75801xx), Quản lý xây dựng (75803xx), nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng (75101xx). Với các trường hợp khác với các đối tượng tuyển sinh nêu trên. Hội đồng chuyên môn có thể xem xét riêng.	
9	Quản lý xây dựng	Có trình độ cử nhân thuộc ngành Kinh tế Xây Dựng hoặc ngành Quản lý xây dựng	Có bằng cử nhân thuộc ngành: Xây dựng (75802xx), Kiến trúc và quy hoạch (75801xx), nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng (75101xx), Kinh Tế (73101xx), Kinh Doanh (73401xx) và Quản trị- Quản lý (73404). Những người tham gia dự tuyển có bằng cử nhân thuộc các nhóm ngành gần muốn dự tuyển cần phải học qua lớp chuyển đổi kiến thức gồm 2 học phần sau: – Học phần 1: Quản lý dự án xây dựng (3 tín chỉ) – Học phần 2: Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng (3 tín chỉ) Ứng viên sẽ được miễn học bổ sung nếu đã học môn này trong chương trình đào tạo đại học. Với các trường hợp khác với các đối tượng tuyển sinh nêu trên, Hội đồng chuyên môn có thể xem xét riêng.

10	Kinh tế học	Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Kinh tế học (Mã nhóm ngành: 523101)	Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Kinh doanh (Mã nhóm ngành: 523401), Tài chính-Ngân hàng- Bảo hiểm (Mã nhóm ngành: 523402), Kế toán-Kiểm toán (Mã nhóm ngành: 523403), và Quản trị-Quản lý (Mã nhóm ngành: 523404). Đối tượng dự tuyển thuộc nhóm ngành gần phải học bổ sung kiến thức 03 học phần như sau: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Tiền tệ - Ngân hàng
11	Xã hội học	Có bằng tốt nghiệp đại học: Xã hội học	Có bằng tốt nghiệp đại học: Nhân học, Dân tộc học, Công tác xã hội, Tâm lý học, Kinh tế học, Kinh tế phát triển, Kinh tế chính trị, Triết học, Văn hóa học, Giáo dục học, Chính trị học, Đông Nam Á học, Đông phương học, Báo chí và truyền thông, Báo chí Các ứng viên thuộc các ngành gần phải học bổ sung 3 môn (mỗi môn 3 tín chỉ) : (1) Xã hội học đại cương, (2) Lịch sử xã hội học, (3) Phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội.
12	Kế toán	Có trình độ cử nhân ngành: Kế toán, Kiểm toán, Kế toán - Kiểm toán	Có bằng tốt nghiệp cử nhân các ngành gần bao gồm nhóm ngành Kinh tế học; Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; Kinh doanh, và Quản trị - Quản lý. Những người có bằng cử nhân thuộc các nhóm ngành gần muốn dự tuyển cần phải học bổ sung kiến thức gồm các học phần sau: Học phần 1: Nguyên lý kế toán Học phần 2: Kế toán tài chính Học phần 3: Kế toán quản trị Học phần 4: Kiểm toán Học viên được miễn học các học phần nếu đã học ở chương trình đào tạo đại học.

PHỤ LỤC 2

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 và Bậc 4
Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ
(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và
Đào tạo)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/ Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179 2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2